TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 01 - 2019
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hải

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị L **-** Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vương Hoàng **-** Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nghiêm Xuân T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường Đ, phường Đ1, quận L, Hải Phòng; chỗ ở: Đường C, phường D, quận L, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phùng Liên B, đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường Đ, phường Đ1, quận L, Hải Phòng; chỗ ở: Đường C, phường D, quận L, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nghiêm Xuân T trình bày: Anh và chị Phùng Liên B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Xá,

huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) vào ngày 24 tháng 9 năm 2001, đến nay có 02 con chung là Nghiêm Trịnh Quang T1, sinh ngày 07/4/2000 và Nghiêm Phùng Khánh L, sinh ngày 28/6/2006. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống bất đồng, tính cách không hòa hợp, chị B nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã và có những lời lẽ xúc phạm nhau, thậm chí anh T còn đánh đập chị B phải có sự can thiệp của xóm phố; hơn nữa, mối quan hệ giữa con dâu với gia đình nhà chồng không được hòa thuận nên mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng hơn, không còn tiếng nói chung nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả, từ tháng 2 năm 2018 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm không còn, tiếp tục cuộc sống chung cũng không mang lại hạnh phúc nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị B. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Nghiêm Trịnh Quang T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh đề nghị giao cháu Nghiêm Phùng Khánh L cho chị B nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.Về án phí: Anh T nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại Bản tự khai ngày 12/7/2018 chị B trình bày: Về quá trình kết hôn và có con chung như anh T trình bày là đúng. Theo chị, vợ chồng chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì nhưng từ năm 2006 anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, khi về nhà hay chửi bới, đánh đập chị, tuy nhiên mâu thuẫn của vợ chồng được được hai bên gia đình động viên. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T xin ly hôn thì chị không đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Nghiêm Trịnh Quang T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị xin được nuôi cháu Nghiêm Phùng Khánh L, phần cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là: Nhà và đất tại số 7/188 Chợ Hàng, Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, Hải Phòng; nhà và đất tại tổ 4 khu 3B phường Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh và 01 xe ô tô. Chị đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng.

Sau khi chị B trình bày bản tự khai thể hiện quan điểm của mình, Tòa án đã tiến hành triệu tập chị B làm việc vào các ngày 13/8/2018; 30/8/2018; 06/9/2018 nhưng chị B đều vắng mặt; ngày 11/9/2018 Tòa án đã ra Thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ xe nhưng chị B không giao nộp. Tại các buổi hoà giải vào ngày 08/11/2018; ngày 26/11/2018 và tại phiên tòa ngày 26/12/2018; ngày 11/01/2019 chị B cũng không có mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Anh T và chị B xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) vào năm 2001 và có 02 con chung. Quá trình chung sống, đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống, tính cách bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ tháng 2 năm 2018. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị B; về con chung: Giao con Nghiêm Phùng Khánh L, sinh ngày 28/6/2006 cho chị B nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận; về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nghiêm Xuân T khởi kiện xin ly hôn chị Phùng Liên B. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn; bị đơn cư trú tại địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

[2] Bị đơn chị Phùng Liên B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nghiêm Xuân T và chị Phùng Liên B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 17 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) vào ngày 24 tháng 9 năm 2001 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, thường xuyên xảy ra va chạm, thậm chí anh T còn đánh đập chị B, từ đó tình cảm vợ chồng xa cách và đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập các bên đến Tòa án để làm việc và tiến hành hoà giải nhưng chị B đều không có mặt; tại phiên toà ngày 26/12/2018 và ngày 11/01/2019 chị B cũng không có mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Qua đó cho thấy chị B đã không thực sự cố gắng trong việc hàn gắn những rạn nứt trong quan hệ tình cảm vợ chồng. Tiến hành thu thập chứng cứ xác

minh về thực trạng hôn nhân giữa anh T và chị B tại nơi cư trú cho thấy: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 do bất đồng nhau về quan điểm sống, cách sống, hiện tại chỉ có chị B sinh sống tại địa chỉ số 7/188 Chợ Hàng, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, Hải Phòng còn anh T không thường xuyên ăn ở sinh hoạt tại địa chỉ trên. Do vậy, việc anh T đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị B là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị B đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho anh Nghiêm Xuân T được ly hôn chị Phùng Liên B là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Nghiêm Trịnh Quang T1 đã trưởng thành nên không xem xét. Anh T đề nghị giao con Nghiêm Phùng Khánh L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và chị B cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu L đang ở với mẹ, có cuộc sống ổn định nên giao cháu L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hành cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu L và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị B yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị B đến làm việc nhưng đều vắng mặt, Tòa án đã ra Thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh về tài sản chung của vợ chồng nhưng chị B không cung cấp. Điều đó cho thấy, chị B đã tự từ bỏ yêu cầu của chính mình. Còn anh T đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nghiêm Xuân T và chị Phùng Liên B.

2. Về con chung: Giao con chung là Nghiêm Phùng Khánh L, sinh ngày 28/6/2006 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này anh T đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0005192 ngày 04 tháng 6 năm 2018.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND xã H, huyện Ứ, Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND x. Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương